TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2022
"*V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung* "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

***Hội thẩm nhân dân*:**

1. Bà Châu Thanh Nguyên;

2. Ông Hồ Văn Dũng;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Kim Liệu, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 269/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc " *Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 09/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc Đ, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 14, khóm An Hòa A, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 14, khóm An Hòa A, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 11 năm 2021, bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được tại Tòa án bà Lê Thị Ngọc Đ trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2001 bà và ông A quen biết nhau do tự tìm hiểu nên chúng tôi có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn số 156/2015, quyển số 01/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung với nhau tại xã An Cư, huyện Tịnh Biên, tỉnh An

Giang đến năm 2005 thì vợ chồng về sống tại thành phố Long Xuyên, sau đó thì về sống tại địa chỉ Tổ 14, khóm An Hòa A, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng đến một thời gian sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng trong quan điểm sống, ông A lo ăn chơi nên vợ chồng không thể hòa thuận được với nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Nay bà Đ yêu cầu được ly hôn ông A.

Về con chung: Bà Đ và ông A thống nhất có hai con chung tên tên Nguyễn Ngọc Kiều N, sinh năm 2002 và Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 23/9/2015. Bà Đ yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành đã niêm yết tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự cho bị đơn ông Nguyễn Hoàng A. Tuy nhiên, ông A vẫn không tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng quy định về xét xử phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của đương sự thì nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, chấp hành đúng quy định tại Điều 71. Tuy nhiên bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần hai nên không thực hiện Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hoàng A có địa chỉ tại tổ 14, khóm An Hòa A, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên thuộc tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông A. Nhưng tại phiên tòa, ông A vẫn vắng mặt. Xét đây là lần vắng mặt thứ hai của ông A nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2001 bà Đ và ông A quen biết nhau do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn số 156/2015, quyển số 01/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo lời khai của bà Đ cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ tháng 5/2021 nguyên nhân do ông A lo ăn chơi, vợ chồng tính tình không phù hợp, bất đồng trong quan điểm sống cuộc sống chung không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, nay tình cảm không còn nên bà Đ yêu cầu được ly hôn.

Qua kết quả xác minh tại địa phương cho biết: Vợ chồng bà Đ và ông A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 14, khóm An Hòa A, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Hiện tại ông A không còn sinh sống tại địa phương, ông A sống bằng nghề tài xế, chỉ biết ông A thỉnh thoảng mới về còn đi đâu làm gì thì địa phương không biết. Mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không biết do không thấy vợ chồng đến trình báo gì cả. Hiện tại hai đứa con chung đang do bà Đ đang nuôi dạy và bà Đ sống bằng nghề bán rau ở chợ.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng theo bà Đ là do ông A lo ăn chơi, tính tình không phù hợp, bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay. Trong thời gian xa cách nhau ông A cũng không còn sinh sống tại địa phương cho thấy ông A cũng không cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, để mặc cho bà Đ tự sinh sống tại địa phương.

Cho nên, tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông, bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Đ và ông A có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Kiều N, sinh năm 2002 và Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 23/9/2015. Bà Đ yêu cầu được nuôi dạy cháu Q, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Nhận thấy, hiện tại cháu N đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu Q hiện tại đang do bà Đ trực tiếp nuôi dạy. Đồng thời bà Đ có nghề bán rau ở chợ nên có thu nhập đảm bảo cho việc chăm sóc nuôi dạy cháu Q được ổn định. Từ đó để đảm bảo cho môi trường sống của cháu Q được ổn định thì giao cháu Q cho bà Đ tiếp tục nuôi dạy là phù hợp, ông A không phải cấp

dưỡng nuôi cháu Q do bà Đ không yêu cầu phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét chấp nhận.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì việc nuôi dạy con không cố định, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Đ khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch.

Ông A không phải chịu án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc Đ được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng A

Giấy chứng nhận kết hôn số 156, quyển số 01/2015 ngày 07/12/2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Đ và ông A có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Kiều N, sinh năm 2002 và Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 23/9/2015. Đối với cháu N đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Giao cháu Nguyễn Hoàng Q cho bà Đ được tiếp tục nuôi dạy. Ông Nguyễn Hoàng A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc nuôi dạy con không cố định, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Điệp tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008055 ngày 02/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Ông Nguyễn Hoàng A không phải chịu án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- TAND Tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Huyền

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**